



Original Article

Inclusive Innovation Model, Levels, Priority Research Orientations and Policy Implications

Vu Van Tich^{1,*}, Nguyen Huu Xuyen¹, Dang Thu Giang¹, Dinh Thi My Hanh²,
Tran Nhat Lam Duyen³, Nguyen Thi Oanh³, Nguyen Thi Ngoc Anh⁴

¹*Vietnam Institute of Science and Technology Strategy, 115 Tran Duy Hung, Hanoi, Vietnam.*

²*University of Science and Education, The University of Da Nang, 459 Ton Duc Thang, Da Nang, Vietnam*

³*VNU School of Interdisciplinary Sciences and Arts, 144 Xuan Thuy, Hanoi, Vietnam*

⁴*Project Management Board of Agriculture and Rural Development Projects,
Department of Agriculture and Environment, Agriculture and Rural Development Building,
4 Xo Viet Nghe Tinh, Ha Tinh, Vietnam.*

Received 15th November 2025

Revised 01st December 2025; Accepted 8th December 2025

Abstract: In recent years, inclusive innovation has attracted attention from different perspectives such as policy, practice and academic research. It is a model for developing new products, solutions and services for disadvantaged groups and disadvantaged regions, where people, especially those with low incomes, are often left behind in the overall development of the country and region. The study provided an overview of inclusive innovation models, models in the world and related activities in Vietnam in the areas: Dong Van Karst Plateau Global Geopark (Tuyen Quang), suburban areas of Da Nang and Ho Chi Minh City with the participation of interviews with researchers, policy makers, policy beneficiaries and non-governmental organizations (NGOs). This study points out the development of sustainable development, in which it proposes a "6-level" "Resilience Innovation Scale" (Idea - Use - Impact - Process - Structure - Self) for disadvantaged areas, from which the Resilience Innovation Scale implies policies serving management and implementation associated with sustainable development goals in disadvantaged areas. At the same time, this study also points out research gaps and identifies 3 major priority research directions on sustainable development for disadvantaged areas in Vietnam: i) Priority studies according to stakeholder needs (Resilience Innovation Policy; Grassroots Innovation; Intermediate Organizations); ii) Systemic studies; and iii) Process studies (Readiness; Good Practice; Design-Reality Gap; Scaling Up; Impact Assessment).

Keywords: Inclusive innovation model, Inclusive innovation level, priority research orientations with policy implications, disadvantaged region.

* Corresponding author.

E-mail address: tichvv@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4589>

Mô hình đổi mới sáng tạo bao trùm, cấp độ, định hướng nghiên cứu ưu tiên hàm ý chính sách

Vũ Văn Tịch^{1,*}, Nguyễn Hữu Xuyên¹, Đặng Thu Giang¹, Đinh Thị Mỹ Hạnh²,
Trần Nhật Lam Duyên³, Nguyễn Thị Oanh³, Nguyễn Thị Ngọc Ánh⁴

¹Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ,
115 Trần Duy Hưng, Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, 459 Tôn Đức Thắng, Đà Nẵng, Việt Nam

³Trường Khoa học Liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam

⁴Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sở Nông nghiệp và Môi trường,
4 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Hà Tĩnh, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 11 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 01 tháng 12 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 08 tháng 12 năm 2025

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, đổi mới sáng tạo bao trùm (ĐMSTBT) đã thu hút sự quan tâm từ các góc độ khác nhau như chính sách, thực tiễn và nghiên cứu học thuật. Đây là mô hình phát triển các sản phẩm, giải pháp và dịch vụ mới dành cho những nhóm yếu thế và các vùng khó khăn, nơi mà người dân, đặc biệt là những người có thu nhập thấp, thường bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển chung của quốc gia và khu vực. Nghiên cứu đã tổng quan về mô hình đổi mới sáng tạo bao trùm, các mô hình trên thế giới và hoạt động liên quan ở Việt Nam tại vùng: Cao nguyên đá Đồng văn (Tuyên Quang), ven đô Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh với sự tham gia phòng vấn của các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách, thụ hưởng chính sách và các tổ chức phi chính phủ (NGO). Nghiên cứu này chỉ ra sự phát triển của ĐMSTBT, trong đó và đề xuất một Thang cấp độ ĐMSTBT với 6 bậc (Ý tưởng - Sử dụng - Tác động - Quy trình - Cấu trúc - Tự thân) cho vùng khó khăn, từ thang ĐMSTBT hàm ý các chính sách phục vụ công tác quản lý và tổ chức triển khai gắn với mục tiêu phát triển bền vững tại các vùng khó khăn. Đồng thời nghiên cứu này cũng chỉ ra các khoảng trống nghiên cứu và xác định được 3 định hướng nghiên cứu ưu tiên lớn về ĐMSTBT đối với các vùng khó khăn tại Việt Nam: i) Các nghiên cứu ưu tiên theo nhu cầu các bên liên quan (Chính sách ĐMSTBT; Đổi mới từ cơ sở; Các tổ chức trung gian); ii) Các nghiên cứu hệ thống; iii) Các nghiên cứu quy trình (Sự sẵn sàng; Thực tiễn tốt; Khoảng cách giữa thiết kế-thực tế; Mở rộng quy mô; Đánh giá tác động).

Từ khóa: Mô hình ĐMSTBT, Thang cấp độ ĐMSTBT, định hướng nghiên cứu ưu tiên, hàm ý chính sách, vùng khó khăn.

1. Tổng quan về Đổi mới sáng tạo bao trùm

Đổi mới sáng tạo bao trùm (ĐMSTBT), một hoạt động đã tồn tại từ khá lâu, trong đó tri thức

bản địa được đúc kết để phát triển sinh kế của từng địa phương và từng nhóm người, nhưng nội hàm khái niệm cụ thể chỉ mới được áp dụng trong thời gian gần đây [1-3]. Theo Utz và Dahlman

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tichvv@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4589>

(2007) [4], ĐMSTBT được hiểu là những hoạt động sáng tạo hướng tới các nhóm yếu thế, chẳng hạn như những người có thu nhập thấp ở các vùng ngoài các khu vực phát triển. Khái niệm này được xem là một ý tưởng đột phá. Cho tới nay, có các mô hình ĐMSTBT khác nhau gồm:

Đổi mới thể chế: thay đổi trong cách sắp xếp thể chế cần thiết để tạo điều kiện cho sự xuất hiện của mô hình đổi mới bao trùm. Những sắp xếp này là nền tảng của hệ thống đổi mới, trong đó tập trung vào khía cạnh quản trị đổi mới. Cụ thể, là việc thay đổi chính sách, luật pháp và quy định; đồng thời thúc đẩy sự hình thành của các cơ chế đàm phán, ra quyết định và văn hóa đổi mới sáng tạo trong xã hội. Ngoài ra, đổi mới thể chế còn gắn liền với việc thiết lập các cấu trúc và mối quan hệ mới với các chủ thể trung gian trong hệ sinh thái ĐMSTBT [5].

Đổi mới kỹ thuật, công nghệ: đại diện cho quá trình đổi mới mà trọng tâm nằm ở việc tạo ra giá trị mới dựa trên kỹ thuật công nghệ [6–8], ví dụ về Uber là điển hình minh chứng cho điều này, nhờ có công nghệ mà rất nhiều người không có tài chính lớn đã được tham gia vào hoạt động logistic và tạo ra công việc làm cho hàng trăm triệu người.

Đổi mới sáng tạo khuếch tán: cho phép hàng hóa hoặc dịch vụ đổi mới sáng tạo được phổ biến đến nhóm thu nhập thấp, bao gồm đổi mới về mô hình kinh doanh, tiếp thị, phân phối [9]. Minh chứng cho điều này chính là các nền tảng thương mại số của Amazone, Facebook, Tiktok.,

Đổi mới sáng tạo sử dụng: các đổi mới cần thiết để tăng khả năng tiếp cận, sử dụng hàng hóa hoặc dịch vụ đổi mới sáng tạo của người tiêu dùng yếu thế, thông qua đào tạo, hỗ trợ, thích nghi sản phẩm [10,11].

Có thể nói, ĐMSTBT không bị giới hạn bởi ranh giới địa lý cố định, mà có thể xuất hiện như một vấn đề mang tính toàn cầu, liên quan đến nhiều bối cảnh khác nhau trên thế giới. Tuy nhiên, trong thực tế, phần lớn các bài viết về chính sách và thực tiễn của ĐMSTBT tập trung chủ yếu vào các nước đang phát triển. Vì vậy, lĩnh vực nghiên cứu về ĐMSTBT là giao điểm

của các ngành nghiên cứu đổi mới sáng tạo và nghiên cứu phát triển.

Theo George và cộng sự (2012) [14], đã công bố tổng quan về ĐMSTBT, theo đó tác giả quan niệm đây chính là "đổi mới cho tăng trưởng bao trùm" và đưa ra chương trình nghiên cứu theo hai hướng: i) Xem xét một loạt các khung khái niệm liên quan đến ĐMSTBT; và ii) Xác định các loại câu hỏi mà các khung này có thể giải quyết.

Các nghiên cứu của Johnson & Andersen (2012) [15] khuyến nghị phát triển các mô hình dự báo bao trùm để hiểu cách các tổ chức tham gia vào sản xuất tri thức, tương tác với người dùng tri thức sáng tạo từ các nhóm yếu thế và phân tích các 'không gian học tập tương tác' có thể trở nên bao trùm hơn hay không.

Bên cạnh đó, Lundvall & Lorenz (2012) [16] đi sâu vào phân tích đổi mới ở các nước có thu nhập thấp, nhằm mục tiêu cụ thể vào ĐMSTBT, và đã phát triển các nghiên cứu ưu tiên: Sự hiểu biết lý thuyết về cách tổ chức công việc liên quan đến hiệu suất đổi mới; Các chỉ số để xây dựng năng lực trong khu vực chính thức và phi chính thức; Các phương pháp thu thập dữ liệu về tổ chức công việc và xây dựng năng lực trong khu vực chính thức và phi chính thức; Các chiến lược chính sách và phát triển chú ý đến cách tổ chức công việc trong khu vực chính thức và phi chính thức đóng góp vào hiệu suất đổi mới và xây dựng năng lực".

Các mô hình ĐMSTBT dựa vào công nghệ mới đều liên quan đến chuyển đổi số và công nghệ thông tin và truyền thông (ICT). Trong một số trường hợp (ICT) là đối tượng của đổi mới, đặc biệt các điện thoại di động thông minh là cơ sở cho nhiều hoạt động ĐMSTBT hiện nay.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về ĐMSTBT chưa nhiều, do đó chưa có mô hình với các nội hàm cụ thể, và đi cùng với đó là sự thiếu hụt các chính sách cụ thể cho từng loại mô hình mà tồn tại trong thực tế. Tuy nhiên các hoạt động liên quan tới ĐMSTBT lại tương đối nhiều. Có thể nói tới mô hình khởi nghiệp ĐMSTBT thông qua mô hình hợp tác xã tại các vùng khó khăn là một trong những điểm sáng. Hoạt động khởi nghiệp

của các chủ nhiệm hợp tác xã nổi lên tại một số nơi như: hợp tác xã chè Shan Tuyết ở Lào Cai (Yên Bái), hay mô hình du lịch nông nghiệp sinh thái Pan House tại Hà Giang (Tuyên Quang) là những ví dụ điển hình.

Có thể nói chuyển đổi số đang thay đổi toàn bộ quá trình đổi mới sáng tạo. Theo đó các thiết bị thông minh dựa trên ICT để thu thập dữ liệu về người tiêu dùng thu nhập thấp có thể được tích hợp vào mô hình ĐMSTBT. Qua phân tích ở trên, cho thấy các nghiên cứu trên đã cung cấp một khung đầu vào - quy trình - đầu ra của ĐMSTBT, nhưng chưa chỉ ra các cấp độ của đổi mới sáng tạo bao trùm và cũng chưa có định hướng nghiên cứu ưu tiên mang hàm ý chính sách tương ứng. Nghiên cứu này, sẽ tập trung trả lời các câu hỏi nêu trên.

2. Sự phát triển của các mô hình đổi mới sáng tạo bao trùm và các hàm ý nghiên cứu chính sách

Để thấy được sự phát triển của các mô hình ĐMSTBT, áp dụng phương pháp nghiên cứu Khu vực học, nghiên cứu này lựa chọn ba vùng đại diện để tiến hành khảo sát và phỏng vấn, bao gồm: khu vực ven đô thành phố Đà Nẵng, Cao nguyên đá Đồng văn (Tuyên Quang) và thành phố Hồ Chí Minh. Lý do lựa chọn ba vùng nghiên cứu này để so sánh sự khác biệt về trình độ phát triển, mức độ đổi mới sáng tạo, cũng như cấu trúc hệ thống đổi mới giữa các khu vực. Cụ thể, vùng Cao nguyên đá Đồng Văn đại diện cho vùng nghèo dưới chuẩn với điều kiện phát triển hạn chế (khu vực đặc biệt khó khăn); khu vực ven đô Đà Nẵng phản ánh sự chuyển tiếp giữa nông thôn với mức độ đổi mới còn chậm và đô thị (vùng trung tâm của thành phố Đà Nẵng); Trong khi đó, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện đặc trưng của một trung tâm đổi mới sáng tạo năng động nhất cả nước. Sự khác biệt này cho phép nghiên cứu thu thập được các kinh nghiệm và quan điểm khác nhau, qua đó nhận diện các nhân tố định hình ĐMSTBT, bao gồm mức độ giàu có và bất bình đẳng, sức mạnh của hệ thống đổi mới

sáng tạo, và chính sách đổi mới nói chung và chính sách cho ĐMSTBT nói riêng.

2.1. Sự phát triển của đổi mới sáng tạo bao trùm trên thế giới

Đổi mới sáng tạo và hệ thống đổi mới sáng tạo ở các nước đang phát triển thường gắn liền với các tổ chức lớn của Nhà nước, thường nhằm đến sản xuất hàng hóa công nghiệp hoặc các thị trường xuất khẩu cho người tiêu dùng có thu nhập cao. Các đổi mới sáng tạo này có rất ít kết nối đến khu vực dân cư có thu nhập thấp và đã tạo nên sự bất bình đẳng.

Những năm gần đây, đã có những mô hình đổi mới sáng tạo, tìm cách phát triển và cung cấp hàng hóa và dịch vụ kết hợp nhu cầu và lợi ích của người nghèo và tìm cách kích thích tăng trưởng cho những người có thu nhập thấp nhất, đáp ứng phát triển bền vững [22]. Gần đây, sự gia tăng năng lực công nghệ số (đặc biệt là như điện thoại di động thông minh và trí tuệ nhân tạo (AI) đã mở rộng các mô hình đổi mới sáng tạo thay thế, trong đó có sự tham gia đáng kể của khu vực tư nhân để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, một thị trường đại chúng, ở đó người tiêu dùng nghèo có thể tiếp cận sự phát triển chung.

Hiện nay, trong giới học thuật đang có sự phát triển song song với các tên khác nhau như: "ĐMSTBT" (inclusive innovation), "đổi mới vì người nghèo" (pro-poor innovation), "đổi mới ngoài tầm kiểm soát" (below-the-radar innovation), "đổi mới từ cơ sở" (grassroots innovation), "đổi mới ở đáy kim tự tháp (BoP innovation) [23], tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ tập trung vào "ĐMSTBT". Nguồn gốc của mô hình này bắt nguồn từ nghiên cứu của Utz & Dahlman (2007) [4] ĐMSTBT là một mô hình đã được thảo luận nhiều trong giới học thuật và các hoạt động của các bên liên quan:

Hoạt động của nhà tài trợ: với các sáng kiến về hành động xuyên quốc gia về ĐMSTBT của Ngân hàng Thế giới [24], chương trình của IDRC về Đổi mới cho Phát triển Bao trùm [12], sự tài trợ của GIZ cho sáng kiến Đổi mới Bền vững và Bao trùm [25], và dự án của OECD về ĐMSTBT [26].

Chính sách của chính phủ: Ở Indonesia, thành lập Bộ về Du lịch và Kinh tế sáng tạo, trong đó 17 trụ cột hoạt động của bộ hướng tới ĐMSTBT. Tại Ấn Độ đã đặt ĐMSTBT làm yếu tố chính sách cốt lõi cho thập kỷ 2010 [27], bao gồm quỹ ĐMSTBT Ấn Độ trị giá 80 triệu USD; Thái Lan đã định hình lại chính sách đổi mới của mình để kết hợp các yếu tố đổi mới xanh và bao trùm [28]; và Trung Quốc đã thể hiện sự quan tâm mạnh mẽ đến ĐMSTBT [29].

Hoạt động học thuật: bao gồm các hoạt động như sáng kiến ĐMSTBT của Đại học Harvard, chương trình đào tạo sau đại học về ĐMSTBT ở Nam Phi, các hoạt động kết nối như GRIID, nhóm nghiên cứu về đổi mới cho phát triển bao trùm,...

2.2. Sự phát triển của đổi mới sáng tạo bao trùm ở Việt Nam

Tại Việt Nam, các chương trình nhà tình nghĩa được triển khai rộng khắp, với mục tiêu một triệu ngôi nhà được các nhà tài trợ quyên góp với sự phát động của mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Tại Việt Nam, Chính phủ đã tập trung hơn 390 chính sách phát triển sinh kế và hạ tầng cho ĐMSTBT tại ba vùng khó khăn như Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Theo Báo cáo tổng kết chương trình Tây Bắc, trong đó với hơn 50 tỷ USD đã đầu tư cho vùng Tây Bắc thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia trong 40 năm qua.

Hoạt động học thuật: Ở Việt Nam, hoạt động nghiên cứu ĐMSTBT thường đi đôi với các nghiên cứu về phát triển bền vững và tập trung nhiều vào các vùng khó khăn và các dân tộc thiểu số. Đa phần các nghiên cứu tập trung việc áp dụng các khái niệm vào nhận diện và thúc đẩy đổi mới sáng tạo xã hội nhằm đưa ra các giải pháp để phát triển các mô hình sinh kế. Vũ Văn Tích và cộng sự (2012) [30] đã đề xuất về mô hình sinh kế mới cho người dân thuộc Cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang) trên cơ sở góc độ địa chất, địa văn hóa và địa sinh thái. Nghiên cứu của UNDP (2020) đánh giá về các chính sách ĐMST bao trùm ở Việt Nam và đề xuất một số khuyến nghị để đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động nhằm thúc đẩy môi trường chính sách tạo

thuận lợi cho việc tăng cường năng lực của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các nhà đổi mới sáng tạo ở cấp cơ sở. Nghiên cứu của Trần Ngọc Ca (2021) [31] chỉ rõ một trong những đặc trưng của hệ thống ĐMST ở các nước đang phát triển như Việt Nam là sự phân tán của các chính sách, với nhiều mục tiêu và ưu tiên khác nhau, trong đó giảm nghèo đặt đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, nguồn ngân sách dành cho khoa học, công nghệ và ĐMST vẫn còn hạn chế, tỷ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển và những hoạt động ĐMST khác trên GDP thấp. Trong bối cảnh này, ngân sách để hỗ trợ ĐMST cần phải tập trung vào những hoạt động giúp tạo ra nền tảng sống bền vững và thu nhập tốt hơn cho người nghèo, phát triển và phổ biến rộng rãi những công nghệ đã được điều chỉnh và thích hợp với nguồn lực hạn chế, mang tính bao trùm hơn. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Hương và cộng sự (2021) [32] chỉ ra rằng hiện nay vẫn thiếu các chính sách và chương trình hỗ trợ cụ thể từ phía chính phủ đối với ĐMST dành cho phụ nữ nông dân. Mặc dù đã có một số chính sách liên quan đến ĐMST ở Việt Nam, nhưng chúng còn hạn chế và nhiều phụ nữ nông dân chưa tiếp cận được do thiếu thông tin, hoặc gặp khó khăn trong việc thực hiện ở các địa phương. Nghiên cứu của Trần Tuyết Nhung và cộng sự (2023) về phát triển thị trường cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy ĐMST hỗ trợ các nhà khoa học nữ trong việc quảng bá và giới thiệu các sản phẩm khoa học và công nghệ (KH&CN). Các giải pháp này bao gồm việc thúc đẩy chuyển giao các kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước; lựa chọn một số công nghệ/kết quả nghiên cứu/sản phẩm KH&CN có giá trị kinh tế và thực tiễn để thúc đẩy lưu thông, thương mại hóa trong thị trường KH&CN; hỗ trợ tìm kiếm các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thể thương mại hóa công nghệ/kết quả nghiên cứu/sản phẩm KH&CN của các nhà khoa học nữ.

2.3. Các cấp độ đổi mới sáng tạo bao trùm và hàm ý nghiên cứu, triển khai chính sách

Nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu liệu có tồn tại các cấp độ ĐMSTBT trong các hoạt động ở

các địa phương thuộc diện khó khăn hay không, và nếu có thì bao gồm những cấp độ nào, nghiên cứu triển khai phỏng vấn sâu từ các bên liên quan trong hệ sinh thái ĐMSTBT (Các nhà hoạch định chính sách (lãnh đạo sở KHCN); (2) Những người thụ hưởng chính sách (bà con trong vùng tham gia thực hiện sinh kế đổi mới sáng tạo) và (3) Các nhà thực thi, bao gồm các nhà quản lý trong các tổ chức phi chính phủ - NGO).

Trên cơ sở phân tích các loại hình ĐMSTBT và mức độ đổi mới ở các địa phương thông qua khảo sát và phỏng vấn, nghiên cứu này đã tổng kết và đưa ra các cấp độ của ĐMSTBT khác nhau, nghiên cứu này cho thấy ở Việt Nam có sáu cấp độ ĐMSTBT có thể được phân cấp như sau:

- Cấp độ ý tưởng (1): đổi mới sáng tạo là bao trùm nếu ý định của đổi mới đó là giải quyết các nhu cầu của nhóm yếu thế. Điều này không liên quan đến bất kỳ hoạt động cụ thể nào mà chỉ là ý tưởng thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Cấp độ sử dụng (2): đổi mới sáng tạo là bao trùm nếu nó được nhóm yếu thế chấp nhận và sử dụng. Điều này đòi hỏi đổi mới phải được phát triển thành hàng hóa hoặc dịch vụ cụ thể. Trong đó, như dịch vụ hay hàng hóa sản phẩm của đổi mới sáng tạo được nhóm yếu thế tiếp cận và chi trả, và nhóm yếu thế có khả năng tiếp thu sự đổi mới để giải quyết nhu cầu của họ.

- Cấp độ tác động (3): đổi mới sáng tạo là bao trùm nếu nó có tác động tích cực đến sinh kế của nhóm yếu thế. Tác động đó gồm: Có thể, kinh tế hơn, năng suất cao hơn và tiện ích lớn hơn; Hay là, tác động của đổi mới giúp hiểu biết nhiều hơn về các nền tảng phát triển khác.

- Cấp độ quy trình (4): đổi mới sáng tạo là bao trùm nếu nhóm yếu thế tham gia vào việc phát triển đổi mới sáng tạo (phát minh, thiết kế, phát triển, sản xuất, phân phối). Trong đó, mức độ tham gia có thể bao gồm: được thông báo, được tham vấn, cộng tác, được trao quyền hay kiểm soát.

- Cấp độ cấu trúc (5): đổi mới sáng tạo là bao trùm nếu nó được tạo ra trong một cấu trúc mà bản thân nó là bao trùm. Cấp độ này đòi hỏi các

thể chế, tổ chức và mối quan hệ cơ bản tạo nên một hệ thống đổi mới sáng tạo phải là bao trùm. Điều này có thể đòi hỏi một cải cách đáng kể cấu trúc của các hệ thống đổi mới hiện có, hoặc tạo ra hệ thống đổi mới thay thế.

- Cấp độ tự thân (6): Ở cấp độ này khung tri thức cơ bản và thậm chí cả ngôn ngữ là nền tảng của quyền lực quyết định kết quả. Chỉ khi nhận thức của các tác nhân chính tham gia vào đổi mới sáng tạo, thì khi đó đổi mới sáng tạo mới thực sự là bao trùm.

Các cấp độ đổi mới này giống như các bậc của một cái thang, vì mỗi cấp độ lại mở rộng sự tham gia của nhóm yếu thế. Các cấp độ này, sẽ hàm ý tới các nghiên cứu ưu tiên hình thành các khung chính sách, làm cơ sở để triển khai hoạt động ĐMSTBT cho các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn ở nước ta.,

3. Các hướng nghiên cứu ưu tiên trong đổi mới sáng tạo bao trùm

3.1. Khoảng trống nghiên cứu xung quanh đổi mới sáng tạo bao trùm

Để xác định các khoảng trống nghiên cứu, nghiên cứu này sử dụng hai phương thức: i) Áp dụng thang cấp độ đổi mới sáng tạo để phân tích, và ii) Xác định từ nhu cầu thực tiễn.

Phân tích hiện trạng các mô hình đổi mới sáng tạo bao trùm ở các khu vực ở vùng ven đô Đà Nẵng và Cao nguyên đá Đồng Văn Hà Giang vào thang ĐMSTBT nêu ra ở trên, các nhóm có thu nhập thấp ở hai vùng nêu trên đã tiếp cận và tiêu thụ các hàng hóa và dịch vụ mới từ nhiều năm trước. Tuy nhiên, các hoạt động này chủ yếu mới chỉ đạt đến Cấp độ 3 (cấp độ tác động) trong Thang ĐMSTBT. Vì vậy, những khoảng trống trong nghiên cứu về ĐMSTBT có thể chỉ ra như sau: i) Các nhân tố và địa điểm mới liên quan đến năng lực ĐMSTBT; ii) Các thị trường mới dễ tiếp cận hơn đối với các nhóm yếu thế; iii) Các công nghệ mới, đặc biệt là ICT và AI, có thể hỗ trợ ĐMSTBT; iv) Các phương thức và bối cảnh mới cho ĐMSTBT. Mặt khác, các nghiên cứu

phân tích chính sách ĐMSTBT cũng là khoảng trống chính sách.

Trong phạm vi nghiên cứu tại các vùng khảo sát, với mục tiêu là xác định các định hướng nghiên cứu ưu tiên từ góc nhìn thực tế và nhu cầu chưa được khai thác của các bên liên quan.

Qua phân tích đánh giá, ba định hướng nghiên cứu ưu tiên chính được xác định bao gồm: i) Các định hướng nghiên cứu theo nhu cầu các bên liên quan; ii) Các nghiên cứu hệ thống; và iii) Các nghiên cứu quy trình. Các định hướng nghiên cứu này sẽ được trình bày cụ thể sau đây.

3.2. Các nghiên cứu ưu tiên theo nhu cầu các bên liên quan

Qua xác thực và phân tích tổng hợp, ba lĩnh vực ưu tiên chính đã được đề xuất bởi các bên liên quan gồm:

- Chính sách ĐMSTBT: Các bên liên quan mong muốn có những nghiên cứu hướng dẫn cụ thể cho việc triển khai chính sách thực tế, hỗ trợ theo dõi và đánh giá tác động của chính sách, đồng thời thúc đẩy tính thực thi và khả năng chấp nhận đổi mới sáng tạo.

- Đổi mới từ cơ sở: Các bên nhận thức đổi mới sáng tạo của người tiêu dùng trong cộng đồng thu nhập thấp là quan trọng nhưng hiểu biết còn hạn chế. Do đó, cần nghiên cứu xây dựng kiến thức, cách thức cũng như động cơ đổi mới trong các cộng đồng này, từ đó tìm cách cải thiện năng lực đổi mới của cá nhân và tổ chức.

- Các tổ chức trung gian ĐMSTBT: Các bên nhận biết vai trò quan trọng của các tổ chức trung gian, mong muốn nghiên cứu sâu để phân loại và làm rõ ưu, nhược điểm của các loại hình, đồng thời xác định các yếu tố thành công và thất bại giúp nâng cao vai trò thúc đẩy ĐMSTBT.

3.3. Các ưu tiên nghiên cứu hệ thống

Như đã được đề cập trước đó, các nhà hoạch định chính sách khi trả lời phỏng vấn thường quan tâm đến việc xác định cấp độ hiện tại của ĐMSTBT ở các khu vực như thế nào, đồng thời muốn hiểu rõ cơ sở khoa học và pháp lý cho các khoản đầu tư trong tương lai vào các vùng khó

khăn và nhóm yếu thế. Do đó, áp dụng cấp độ ĐMSTBT để phân tích theo ba khía cạnh của ĐMSTBT, bao gồm: i) Sự sẵn sàng (các nền tảng và tiền đề đầu vào cho quy trình đổi mới); ii) Quá trình đổi mới (bản thân quy trình đổi mới); và iii) Tác động của ĐMSTBT. Nghiên cứu này hướng đến “Chỉ số sẵn sàng ĐMSTBT” tập trung vào cơ sở hạ tầng cho ĐMSTBT. Những yếu tố này được xem là rào cản đối với ĐMSTBT: i) Cơ sở hạ tầng pháp lý: sự hiện diện của các chính sách cần thiết để hỗ trợ ĐMSTBT; ii) Cơ sở hạ tầng thể chế: mức độ hợp tác để hỗ trợ ĐMSTBT; iii) Nhân lực: kỹ năng và kiến thức cần thiết cho ĐMSTBT; iv) Nền tảng tài chính: khả năng tiếp cận vốn để hỗ trợ ĐMSTBT; v) Hạ tầng công nghệ: sự phổ biến và sẵn có của công nghệ liên quan đến ĐMSTBT; vi) Động lực hay nhu cầu thúc đẩy ĐMSTBT.

Về tổng thể, các chỉ số này có vẻ giống như chỉ số đổi mới sáng tạo Toàn cầu (GII) của WIPO 2022 [34], nó cũng đo lường: thể chế (bao gồm chính sách), vốn nhân lực và nghiên cứu, cơ sở hạ tầng (bao gồm ICT), yêu cầu của thị trường (bao gồm tín dụng), và sản phẩm đầu ra của doanh nghiệp. Tuy nhiên, thước đo trong nghiên cứu này chỉ cụ thể về đối tượng là nhóm yếu thế và phạm vi (vùng khó khăn).

3.4. Các ưu tiên nghiên cứu quy trình

Tập hợp các ưu tiên nghiên cứu chính liên quan đến quy trình được thể hiện ở các điểm sau:

- Sự sẵn sàng cho ĐMSTBT: về sự 'sẵn sàng' hay 'đầu vào' của mô hình ĐMSTBT, đối với những người được phỏng vấn, đặc biệt là những người làm chính sách có mong muốn hướng dẫn họ về cơ sở hạ tầng nào cần được thiết lập để tạo điều kiện cho ĐMSTBT.

- Thực tiễn tốt về ĐMSTBT: là mô hình cốt lõi của quy trình triển khai ĐMSTBT, đặc biệt là hướng dẫn về kinh nghiệm thực tiễn tốt để những người tham gia có thể tận dụng tốt nhất các mô hình và kinh nghiệm tốt trong triển khai. Trong định hướng ưu tiên, nghiên cứu này lựa chọn thực tiễn tốt theo một chủ đề nhất quán, để phỏng vấn ở Cao nguyên đá Đồng Văn về tính lai tạp của ĐMSTBT. Trong đó, ĐMSTBT được coi là

liên quan đến sự trộn lẫn của hai nội dung: kiến thức bên ngoài và tri thức bản địa; công nghệ mới và bối cảnh truyền thống. Đổi mới sáng tạo lại tập này được diễn ra theo nhiều cách khác nhau, có thể trong một cá nhân, trong một nhóm, trong một tổ chức, thông qua hợp tác, thông qua trung gian. Do đó, những người được phỏng vấn muốn hướng dẫn từ các chính sách trong tương lai về cách lại tập tốt nhất: cấu trúc nào và mô hình nào sẽ hoạt động tốt nhất, và trên hết là cách thiết kế và quản lý quy trình đổi mới lại tập, cách kết hợp các kiến thức và lợi ích lại với nhau thành một hoạt động đổi mới thành công và bao trùm.

- Khoảng cách giữa thiết kế-thực tế: Những người được phỏng vấn muốn hướng dẫn nghiên cứu về các vấn đề cốt lõi của mô hình là gì và làm thế nào để có thể tránh được những khoảng cách giữa thiết kế và thực tiễn. Họ coi một khía cạnh cốt lõi là khoảng cách giữa giả định-kỳ vọng, theo đó khi các giả định không chính xác về người có thu nhập thấp gặp phải kỳ vọng không chính xác về các đổi mới sáng tạo (đặc biệt là dựa trên chuyển đổi số thông quan ICT mới).

- Mở rộng quy mô ĐMSTBT: một số hoạt động đổi mới sáng tạo đã mở rộng quy mô đến các nhóm thu nhập thấp. Mặt khác, với một số người được phỏng vấn đã chỉ ra những khó khăn, thất bại không thể mở rộng quy mô.

- Đánh giá tác động của ĐMSTBT: Trong phân cấp cấp độ của đổi mới sáng tạo bao trùm, Những người được phỏng vấn bày tỏ mối quan tâm đặc biệt về tác động của đổi mới, chẳng hạn như đối với sinh kế của người nghèo.

Các ưu tiên nghiên cứu được xác định không trùng lặp với những ưu tiên nổi lên từ tổng quan tài liệu và phỏng vấn trực tiếp các bên liên quan, do cách tiếp cận xuất phát từ thực tiễn chứ không phải từ học thuật.

4. Kết luận

ĐMSTBT là chủ đề ngày càng được quan tâm, nó thu hút sự quan tâm từ các học giả, nhà hoạch định chính sách, chiến lược gia của các

công ty lớn, các cơ quan tài trợ, và các NGOs,... Trong cộng đồng nghiên cứu, những người làm việc trong nghiên cứu phát triển, nghiên cứu đổi mới, kinh tế học, kinh doanh và quản lý, nghiên cứu khoa học và công nghệ, các lĩnh vực như y tế và nông nghiệp, và các ngành và phân ngành khác đều quan tâm nghiên cứu vào lĩnh vực này. Nhưng sự khác biệt về mức độ khó khăn của các vùng miền và nhận thức của các nhóm yếu thế khác nhau đòi các hướng nghiên cứu ưu tiên khác nhau để hình thành các chính sách với các khung tham chiếu, lợi ích và nhận thức khác nhau,... Hai kết quả chính của nghiên cứu này bao gồm:

- Nghiên cứu sự phát triển của mô hình ĐMSTBT tại các vùng khảo sát cho thấy tiến trình phát triển có đầu đủ cả 06 cấp độ của ĐMSTBT gồm: cấp độ ý định (1) - cấp độ sử dụng (2) - cấp độ tác động (3) - cấp độ quy trình (4) - cấp độ cấu trúc (5) - cấp độ tự thân (6). Trong đó, ở cả hai vùng ven đô Đà Nẵng và Cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang đều có hoạt động đổi mới sáng tạo bao trùm ở cấp 3 trở xuống, còn các cấp độ 4 đến 6 cần phải có các giải pháp và cơ chế để thúc đẩy triển khai các mô hình này hướng tới phát triển bền vững.

- Kết quả nghiên cứu xác định các định hướng nghiên cứu ưu tiên trong thời gian tới để hướng tới xây dựng các chính sách ưu tiên gồm ba định hướng ưu tiên lớn: i) Các nghiên cứu ưu tiên theo nhu cầu các bên liên quan (Chính sách ĐMSTBT; Đổi mới từ cơ sở; Các tổ chức trung gian); ii) Các nghiên cứu hệ thống; và iii) Các nghiên cứu quy trình (Sự sẵn sàng; Thực tiễn tốt; Khoảng cách giữa thiết kế-thực tế; Mở rộng quy mô; Đánh giá tác động).

- Từ nghiên cứu ưu tiên này có thể giúp định hình chính sách ĐMSTBT trong tương lai để phát triển các vùng đặc biệt khó khăn và đặc biệt khó khăn ở miền núi phía Bắc, nơi có điều kiện tự nhiên vô cùng khắc nghiệt, thiếu đất, nước cho phát triển nông nghiệp, đang phải đối mặt với nghèo đói. Việc áp dụng ĐMSTBT được xem là giải pháp quan trọng cần để cải thiện sinh kế và tăng tính bền vững trong quá trình phát triển địa phương.

Lời cảm ơn

Công trình này được hoàn thành với sự hỗ trợ của đề tài “Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo bao trùm tại các vùng, địa bàn có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn ở Việt Nam” do Viện Chiến lược thuộc Học viện Chiến lược KH&CN chủ trì.

Tài liệu tham khảo

- [1] G. Magni, Indigenous Knowledge and Implications for the Sustainable Development Agenda, *Eur J Educ*, Vol. 52, 2017, pp. 437-447, <https://doi.org/10.1111/ejed.12238>.
- [2] M. Pansera, R. Owen, Framing Inclusive Innovation within the Discourse of Development: Insights from Case Studies in India, *Res Policy*, Vol. 47, 2018, pp. 23-34, <https://doi.org/10.1016/j.respol.2017.09.007>.
- [3] B. Peddi, D. Ludwig, J. Dessein, Relating Inclusive Innovations to Indigenous and Local Knowledge: A Conceptual Framework, *Agric Human Values*, Vol. 40, 2023, pp. 395-408, <https://doi.org/10.1007/s10460-022-10344-z>.
- [4] A. Utz, C. Dahlman, Promoting Inclusive Innovation, in: M.A. Dutz (Ed.), *Unleashing India's Innovation: Toward Sustainable and Inclusive Growth*, World Bank, Washington, DC, 2007, pp. 105-129.
- [5] V. Casadella, S. Tahi, Inclusive National Innovation Systems: Rethinking Institutions in the Light of Inclusion Imperatives, *Journal of Institutional Economics*, Vol. 21, 2025, pp. e2, <https://doi.org/10.1017/S1744137425000025>.
- [6] J. A. Peerally, C. D. Fuentes, P. N. Figueiredo, Inclusive Innovation and the Role of Technological Capability-Building: the Social Business Grameen Danone Foods Limited in Bangladesh, *Long Range Plann*, Vol. 52, 2019, pp. 101843, <https://doi.org/10.1016/j.lrp.2018.04.005>.
- [7] A. Lange, S. Hüsigg, M. Albert, How Frugal Innovation and Inclusive Business are Linked to Tackle Low-income Markets, *Journal of Small Business Management*, Vol. 61, 2023, pp. 2588-2621, <https://doi.org/10.1080/00472778.2021.1924380>.
- [8] S. Mortazavi, M.H. Eslami, A. Hajikhani, J. Väättänen, Mapping Inclusive Innovation: A Bibliometric Study and Literature Review, *J Bus Res*, Vol. 122, 2021, pp. 736-750, <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2020.07.030>.
- [9] S. V Ramani, S. Athreye, M. Bruder, A. Sengupta, Inclusive Innovation for the BoP: It's a Matter of Survival, *Technol Forecast Soc Change*, Vol. 194, 2023, pp. 122666, <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2023.122666>.
- [10] J. Shkabatur, R. B. El, D. Schwartz, Innovation and Entrepreneurship for Sustainable Development: Lessons from Ethiopia, *Prog Plann*, Vol. 160, 2022, pp. 100599, <https://doi.org/10.1016/j.progress.2021.100599>.
- [11] W. Munyoka, Inclusive Digital Innovation in South Africa: Perspectives from Disadvantaged and Marginalized Communities, *Sustainability*, Vol. 14, 2022, <https://doi.org/10.3390/su14095372>.
- [12] IDRC, *Innovation for Inclusive Development*, Ottawa, 2011.
- [13] S. Cozzens, S. Judith, *Innovation in Informal Settings: A Research Agenda*, Canada, 2012.
- [14] G. George, A. McGahan, J. Prabhu, Innovation for Inclusive Growth: Towards a Theoretical Framework and a Research Agenda, *Journal of Management Studies*, Vol. 49, No. 2012, pp. 661-683, <https://doi.org/10.1111/j.1467-6486.2012.01048.x>.
- [15] B. Johnson, A.D. Andersen, *Learning, Innovation and Inclusive Development*, Aalborg, Denmark, 2012.
- [16] B. A. Lundvall, E. Lorenz, Workplace Learning, Innovation and Inclusive Development in the Formal and Informal Sector: A New Research Perspective on National Innovation Systems, in: *Paper Presented at Globelics 2012*, Hangzhou, China, 2012.
- [17] Open University, *Inclusive Innovation Workshop – July 2013*, Milton Keynes, UK, 2013.
- [18] M. Guth, Innovation, Social Inclusion and Coherent Regional Development: a New Diamond for a Socially Inclusive Innovation Policy in Regions, *European Planning Studies*, Vol. 13, 2005, pp. 333-349, <https://doi.org/10.1080/0965431042000321866>.
- [19] J. Chataway, R. Hanlin, R. Kaplinsky, Inclusive Innovation: an Architecture for Policy Development, *Innovation and Development*, Vol. 4, 2014, pp. 33-54, <https://doi.org/10.1080/2157930X.2013.876800>.
- [20] T. N. L. Duyen, R. F. Rañola, B. O. Sander, R. Wassmann, N. D. Tien, N. N. K. Ngoc, A Comparative Analysis of Gender and Youth Issues

- in Rice Production in North, Central, and South Vietnam, *Clim Dev*, Vol. 13, 2021, pp. 115-127, <https://doi.org/10.1080/17565529.2020.1734771>.
- [21] A. Aldoseri, K. N. A. Khalifa, A. M. Hamouda, AI-Powered Innovation in Digital Transformation: Key Pillars and Industry Impact, *Sustainability*, Vol. 16, 2024, <https://doi.org/10.3390/su16051790>.
- [22] R. Kaplinsky, Schumacher Meets Schumpeter: Appropriate Technology Below the Radar, *Res Policy*, Vol. 40, 2011, pp. 193-203, <https://doi.org/10.1016/j.respol.2010.10.003>.
- [23] S. V. Ramani, S. S. Ghazi, G. Duysters, On the Diffusion of Toilets as Bottom of the Pyramid Innovation: Lessons from Sanitation Entrepreneurs, *Technol Forecast Soc Change*, Vol. 79, 2012, pp. 676-687, <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2011.06.007>.
- [24] V. K. Goel, Instruments to Promote Inclusive Innovation, in: Paper Presented at Inclusive Innovation Workshop, Bangkok, 2011.
- [25] CII-ITC, Innovation, Centre of Excellence for Sustainable Development, New Delhi, 2013.
- [26] OECD, Innovation and Inclusive Development, Paris, 2013.
- [27] OAPM, Towards a More Inclusive and Innovative India, New Delhi, 2011.
- [28] N. Damrongchai, Thailand's Green and Inclusive Innovation Policy, Paper Presented at APEC/ISTWG Innovation Policy Dialogue, 2011.
- [29] World Bank, Introductory Note, Presented at Regional Inclusive Innovation Policy Forum, Beijing, 2012.
- [30] V. V. Tich et al., Research Report on Planning for Conservation and Promotion of Heritage Values of Dong Van Karst Plateau Global Geopark, Ha Giang, 2012 (in Vietnamese).
- [31] T. N. Ca, Innovation and Development in Vietnam, Science and Technology Publishing House, Hanoi, 2018 (in Vietnamese).
- [32] N. T. M. Huong et al., Enhancing the Innovation Capacity of Women Farmers in Vietnam, Hanoi, 2021 (in Vietnamese).
- [33] C. Codagnone, Vienna Study on Inclusive Innovation for Growth and Cohesion: Modelling and Demonstrating the Impact of Inclusion, 2009.
- [34] World Intellectual Property Organization, S. Dutta, B. Lanvin et al., Global Innovation Index 2022 : What is the Future of Innovation-driven Growth?, WIPO Knowledge Repository, 2022.